TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TG** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20-8-2020
V/v Không công nhận là vợ chồng; tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng A Tằng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giàng A Dơ và ông Phạm Văn Tuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thào A Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2020/TLST- HN&GĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lường Thị L**, sinh năm 1984.

Nơi ĐKHKTT: Bản PN, xã QN, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

Địa chỉ hiện nay: Bản G, xã QN, huyện TG, tỉnh Điện Biên – vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Tòng Văn K**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Bản PN, xã QN, huyện TG, tỉnh Điện Biên – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Lường Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh Tòng Văn K chung sống như vợ chồng, tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hai bên gia đình chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục của dân tộc, chị và anh K về chung sống cùng nhau tại bản PN, xã QN, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh K nghiện ma túy, đánh chị L, cuộc sống hôn nhân

không có tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên từ tháng 01 năm 2019 chị và anh K đã sống ly thân cho đến nay. Nay chị L xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do chị và anh K không đăng ký kết hôn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện TG không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Tòng Văn K.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh Tòng Văn K có 04 người con chung, là Tòng Thị N, sinh ngày 29/5/2002; Tòng Thị Ng, sinh ngày 10/5/2006; Tòng Thị M, sinh ngày 14/6/2008 và Tòng Thị H, sinh ngày 31/10/2012. Hiện tại Tòng Thị N đã thành niên và có khả năng lao động không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn Tòng Thị Ng, Tòng Thị M, Tòng Thị H khi ly hôn chị L và anh K thỏa thuận thống nhất giao con chưa thành niên cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Chị Lường Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án, biên bản hòa giải, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Tòng Văn K khai: Anh K thống nhất với chị L, anh chị tự nguyện xây dựng gia đình với nhau chung sống như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hai bên gia đình chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục của dân tộc, anh và chị L về chung sống cùng nhau tại bản PN, xã QN, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai vợ chồng không cùng quan điểm về cách dạy bảo con cái trong gia đình nên trong cuộc sống xảy ra cãi chửi nhau, từ tháng 01 năm 2019 thì chị L đã tự ý bỏ về bên bố mẹ đẻ ở bản G, xã QN, huyện TG sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị L yêu cầu không công nhận anh và chị L là vợ chồng, anh đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh Tòng Văn K và chị Lường Thị L là vợ chồng.

- Về con chung: Anh Tòng Văn K thống nhất với ý kiến trình bày của chị Lường Thị L, anh chị có 04 người con chung, là Tòng Thị N, sinh ngày 29/5/2002; Tòng Thị Ng, sinh ngày 10/5/2006; Tòng Thị M, sinh ngày 14/6/2008 và Tòng Thị H, sinh ngày 31/10/2012. Hiện tại Tòng Thị N đã thành niên và có khả năng lao động không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn Tòng Thị Ng, Tòng Thị M, Tòng Thị H khi ly hôn anh và chị L thỏa thuận thống nhất giao cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chưa thành niên. Về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con, anh K ngoài làm ruộng, nương anh còn đi làm thêm công nhân xây dựng thu nhập từ 4.000.000đ đến 5.000.000đ/01 tháng nên đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Anh Tòng Văn K không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình cho thấy: Chị L và anh K tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục của dân tộc và về chung

sống như vợ chồng. Đến thời điểm hiện nay có 04 người con chung. Quá trình chung sống chị L, anh K thường cãi chửi nhau nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Chị L và anh K đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay.

- Công an xã QN xác nhận anh K không phải là đối tượng nghiện ma túy thuộc diện quản lý theo dõi của xã.

- Nguyện vọng các con chưa thành niên: Tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án (BL 31, 32, 33, 34, 35, 36) các cháu Tòng Thị Ng, Tòng Thị M và Tòng Thị H đều có nguyện vọng muốn được sống cùng với bố (anh Tòng Văn K).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện cơ bản đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập, thể hiện chị Lường Thị L, anh Tòng Văn K tự nguyện xây dựng gia đình và chung sống như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, quá trình chung sống hòa thuận được khoảng 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, trong cuộc sống thường xảy ra cãi chửi nhau và anh chị đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 đến nay. Hiện nay chị Lường Thị L, anh Tòng Văn K cùng thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, anh K tuyên bố "Không công nhận chị Lường Thị L và anh Tòng Văn K là vợ chồng".

- Về con chung: Căn cứ vào các Điều 15, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận về giao nuôi con chung của chị Lường Thị L và anh Tòng Văn K.

+ Giao cho anh Tòng Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Tòng Thị Ng, sinh ngày 10/5/2006; Tòng Thị M, sinh ngày 14/6/2008 và Tòng Thị H, sinh ngày 31/10/2012 sau ly hôn đến khi 03 con thành niên và có khả năng lao động. Chị L chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Chị Lường Thị L, anh Tòng Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lường Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lường Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận chị với anh Tòng Văn K là vợ chồng, anh K có địa chỉ tại bản PN, xã QN, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Căn cứ khoản 7, 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố Tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên.

- Sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lường Thị L, bị đơn anh Tòng Văn K tại phiên tòa: Chị L, anh K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt chị L, anh K tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị L và anh Tòng Văn K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 trên cơ sở tự nguyện và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của dân tộc nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; Ủy ban nhân dân xã QN, huyện TG xác nhận (BL 05) từ khi chị Lường Thị L, anh Tòng Văn K cưới nhau chung sống như vợ chồng đến nay chưa đến Ủy ban nhân dân xã để đăng ký kết hôn.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…".*

Chị Lường Thị L và anh Tòng Văn K chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, song các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử không công nhận chị Lường Thị L và anh Tòng Văn K là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị L và anh Tòng Văn K có 04 người con chung là Tòng Thị N, sinh ngày 29/5/2002; Tòng Thị Ng, sinh ngày 10/5/2006; Tòng Thị M, sinh ngày 14/6/2008 và Tòng Thị H, sinh ngày 31/10/2012. Hiện nay Tòng Thị N đã thành niên và có khả năng lao động không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn Tòng Thị Ng, Tòng Thị M, Tòng Thị H chưa thành niên. Tại biên bản hỏa giải ngày 28 tháng 7 năm 2020 và đơn xin xét xử vắng mặt chị L, anh K thỏa thuận thống nhất giao cho anh Tòng Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là Tòng Thị Ng, sinh ngày 10/5/2006; Tòng Thị M, sinh ngày 14/6/2008 và Tòng Thị H, sinh ngày 31/10/2012 đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị L chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của các con và anh K có chỗ ở, thu nhập đảm bảo việc chăm lo cho các con. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 15, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về giao nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lường Thị L, anh Tòng Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị Lường Thị L là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chị L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, 15, khoản 2 Điều 53, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 7, 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố dụng dân sự và Điều 9, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lường Thị L và anh Tòng Văn K là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho anh Tòng Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên Tòng Thị Ng, sinh ngày 10/5/2006; Tòng Thị M, sinh ngày 14/6/2008 và Tòng Thị H, sinh ngày 31/10/2012 đến khi các con thành niên và có khả năng lao động. Chị L chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Tòng Văn K có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; chị Lường Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Lường Thị L và anh Tòng Văn K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lường Thị L.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lường Thị L, anh Tòng Văn K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giàng A Tằng